TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2021
V/ v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

-Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:* Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXX-ST ngày tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Quốc V, sinh năm 1982. (Có mặt)

HKTT: Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

HKTT: Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Quốc V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào tháng 4 năm 2002. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau vui vẻ, hòa thuận. Đến đầu năm 2019 mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ở và vợ chồng sống ly thân. Sau đó, chị H tự ý bỏ sang Đài Loan để lao động xuất khẩu mà anh không được biết. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của chị H, anh xác định chị H không cho anh biết và cả gia đình nhà chị H cũng đều không biết. Từ khi chị H sang Đài Loan, chị cũng không hề liên lạc gì với anh nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Hiện nay vợ chồng không có sự liên lạc và quan tâm đến nhau. Chị H cũng không có trách nhiệm gì với gia đình, bỏ mặc chồng, con. Anh xác định tình cảm giữa vợ chồng đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con lớn là Trần Khánh L, sinh tháng 7 năm 2003 (đã trưởng thành), con nhỏ là Trần Gia B, sinh ngày 27/8/2014. Hiện hai con đang ở cùng anh V tại xóm B, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 21/7/2021 và ngày 30/7/2021 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Đặng Văn C là bố đẻ của chị Đặng Thị H, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Toà án, ông có thông tin cho chị H được biết việc anh V đang yêu cầu xin ly hôn với chị thì chị H có trao đổi lại: *"chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hiện chị không còn tình cảm với anh Trần Quốc V, anh V xin ly hôn chị nhất trí. Về con chung như anh V đã khai là đúng. Do cháu lớn là Trần Khánh L đã trưởng thành nên chị không có ý kiến về việc dưỡng nuôi cháu. Còn cháu nhỏ là Trần Gia B do chị đang ở nước ngoài nên không trực tiếp chăm sóc được, chị đồng ý để anh V được trực tiếp nuôi cháu. Sau này khi chị về nước chị có nguyện vọng được nuôi cháu B, chị sẽ thỏa thuận lại với anh V về việc nuôi con; Về cấp dưỡng, do anh V không yêu cầu và chị cũng không ở Việt nam để thực hiện được nghĩa vụ cấp dưỡng nên chị cũng nhất trí với ý kiến của anh V; Về tài sản chung, nợ chung: chị không đề nghị giải quyết. Hiện chị đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật"*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 3590/CAT(PA01/XNC) ngày 12/5/2021 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định chị Đặng Thị H đã xuất cảnh ngày 05/7/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Trần Quốc V chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị H là ông Đặng Văn C, có đủ căn cứ xác định chị H vẫn liên hệ với ông nhưng ông cũng không cung cấp được địa chỉ của chị H và chị H cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Toà án. Toà án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông C cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Trần Quốc V và chị Đặng Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo anh V khai: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận. Đến đầu năm 2019, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ở và sau đó tự ý bỏ sang Đài Loan để lao động xuất khẩu mà anh không được biết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Phía bị đơn chị H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố đẻ chị H), chị cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ trước, không thể hòa giải nên chị mới bỏ về nhà ngoại ở. Sau đó, chị đã đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Hiện nay hai vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, anh V xin ly hôn chị nhất trí. Như vậy, có căn cứ

cho thấy giữa anh V và chị H đã không còn tình cảm vợ chồng, sự quan tâm và thương yêu nhau không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh chị đều nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V, cho anh V được ly hôn chị H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh V và chị H có 02 con chung, là Trần Khánh L và Trần Gia B. Đối với cháu L đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết. Đói với cháu Trần Gia B, sinh ngày 27/8/2014, anh V có nguyện vọng được nuôi dưỡng và thông qua đại diện thân nhân của chị H, chị H cũng nhất trí để anh V trực tiếp nuôi con, do hiện nay chị đang ở nước ngoài không thể chăm sóc cho con chung được, chị cũng có ý kiến khi chị về nước chị có nguyện vọng được nuôi cháu, sẽ thỏa thuận lại với anh V về việc ai nuôi con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu B. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao thấy cần tiếp tục giao con chung là Trần Gia B cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn và nguyện vọng của cháu Trần Gia B, được thể hiện tại bản tự khai ngày 27/7/2021, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu cấp dưỡng chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, chị H nhất trí vì bản thân chị hiện đang lao động xuất khẩu tại nước ngoài nên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình. Tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì anh V không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị H không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng

xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, cho anh V được ly hôn với chị H; Giao cháu Trần Gia B, sinh năm 2014 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H vì anh V không yêu cầu, con chung Trần Khánh L đã trưởng thành, không phải giải quyết; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Quốc V. Anh Trần Quốc V được ly hôn với chị Đặng Thị H.

2. Về con chung: Con chung là Trần Khánh L, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) nên không giải quyết. Giao con chung là Trần Gia B, sinh ngày 27/8/2014 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H do anh V không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Trần Quốc V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000

đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000031 ngày 06/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị H được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- CụcTHADS tỉnh;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thủy